

Một số vấn đề về xu hướng phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh ở Việt Nam

Nguyễn Kế Tuấn^(*)

Tóm tắt: Trong quá trình phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh vận động theo các xu hướng khác nhau. Trên cơ sở phân tích chuỗi số liệu thống kê thời kỳ 1995-2016, bài viết chỉ rõ những nét cơ bản của các xu hướng vận động này. Theo đó, tỷ trọng sở hữu nhà nước và thành phần kinh tế nhà nước trong tổng đầu tư toàn xã hội và trong tổng sản phẩm trong nước (GDP) ngày càng giảm, tỷ trọng sở hữu tư nhân và thành phần kinh tế ngoài nhà nước ngày càng tăng; tỷ trọng loại hình doanh nghiệp đơn sở hữu trong tổng số doanh nghiệp ngày càng giảm, tỷ trọng loại hình doanh nghiệp đa sở hữu, đặc biệt là loại hình công ty cổ phần, ngày càng tăng. Khẳng định các xu hướng vận động ấy phù hợp với xu hướng chung về phát triển thể chế kinh tế thị trường, bài viết nêu một số khuyến nghị chính sách về phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh trong quá trình phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

Từ khóa: Thể chế kinh tế thị trường, Hình thức sở hữu, Thành phần kinh tế, Loại hình tổ chức kinh doanh

Abstract: The development of the socialist-oriented market economy in Vietnam reveals various trends in the forms of ownership, economic sectors and types of business. Based on statistics of the 1995-2016 period, this paper describes main characteristics of these trends, in which the proportions of state ownership and state sector in both total investment and Gross Domestic Products (GDP) have progressively decreased while those of private ownership and non-state sector increased relevantly. Likewise, the proportion of sole proprietorship has decreased, while those of multiple ownership, especially joint-stock companies, have shown an opposite trend. On affirming that these trends have come forth as part of the market-oriented economy, the paper makes several policy-related suggestions concerning the development of forms of ownership, economic sectors and types of business in Vietnam.

Key words: Market Economy Institution, Forms of Ownership, Economic Sectors, Type of Business.

^(*) GS.TS., Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Email: tuan_nguyenke@yahoo.com

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh luôn vận động và phát triển. Việc dự báo xu hướng phát triển của các đối tượng này sẽ tạo lập một trong những luận cứ khoa học để hoạch định và tổ chức thực hiện quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, các cơ chế, chính sách của Nhà nước. Đây là vấn đề hết sức phức tạp, vì sự vận động của các đối tượng này chịu sự tác động của hàng loạt nhân tố chủ quan và khách quan. Trong điều kiện ấy, việc đưa ra những dự báo định lượng cụ thể là điều không thể, mà chỉ có thể xác định những xu hướng phát triển chung của các đối tượng này.

Độ tin cậy của dự báo phụ thuộc trực tiếp vào căn cứ và phương pháp được sử dụng trong dự báo. Về nguyên tắc, có thể sử dụng phương pháp của kinh tế học chuẩn tắc (Normative Economics) hoặc kinh tế học thực chứng (Positive Economics) để đưa ra những dự báo xu hướng phát triển của các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh.

Từ cách đặt vấn đề trên, trong bài viết này, chúng tôi phác họa xu hướng phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh ở nước ta trên cơ sở sử dụng chuỗi số liệu thống kê chính thức về sự phát triển của các đối tượng này. Qua đó đưa ra một số khuyến nghị chính sách thúc đẩy phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh.

2. Sự phát triển các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế qua chuỗi số liệu thống kê thời kỳ 1995-2016

Do không có số liệu thống kê về quy mô và cơ cấu của mỗi hình thức sở hữu,

nên thông tin về các hình thức sở hữu sẽ được xem xét trong mối quan hệ với các số liệu thống kê về các thành phần kinh tế. Hai nhóm chỉ tiêu cơ bản được sử dụng để phân tích là: (i) Tỷ trọng đầu tư của các thành phần kinh tế trong tổng đầu tư toàn xã hội (Cơ cấu vốn đầu tư); (ii) GDP của mỗi thành phần kinh tế trong GDP của cả nền kinh tế (Cơ cấu thành phần kinh tế).

Tỷ trọng đầu tư của các thành phần kinh tế trong tổng đầu tư toàn xã hội phản ánh vị trí mỗi thành phần kinh tế trong tổng mức đầu tư toàn xã hội, qua đó phản ánh khả năng huy động các nguồn lực vào đầu tư phát triển. Năm 1995, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tính theo giá thực tế đạt mức 72.447 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn của thành phần kinh tế nhà nước là 30.447 tỷ đồng, chiếm 42%; thành phần kinh tế ngoài nhà nước là 20.000 tỷ đồng, chiếm 27,6%; thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) là 22.000 tỷ đồng, chiếm 30,4%. Đến năm 2016, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt mức 1.485.096 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn của thành phần kinh tế nhà nước là 557.496 tỷ đồng, chiếm 37,6%; thành phần kinh tế ngoài nhà nước là 579.700 tỷ đồng, chiếm 39,0%; thành phần kinh tế có vốn FDI là 347.900 tỷ đồng, chiếm 23,4% (*Niên giám thống kê các năm 1995, 2016*). Sự thay đổi cơ cấu vốn đầu tư theo thành phần kinh tế trong thời kỳ 1995-2016 được khái quát trong biểu đồ 1.

Trong khi tổng vốn đầu tư toàn xã hội liên tục tăng cao, thì vị trí của mỗi thành phần kinh tế trong đầu tư xã hội của thời kỳ 1995-2016 lại có sự biến đổi theo những xu hướng khác nhau:

- Tỷ trọng đầu tư của thành phần kinh tế nhà nước, bao gồm đầu tư từ ngân sách nhà nước và đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước, có xu hướng giảm nhưng vẫn giữ vị trí

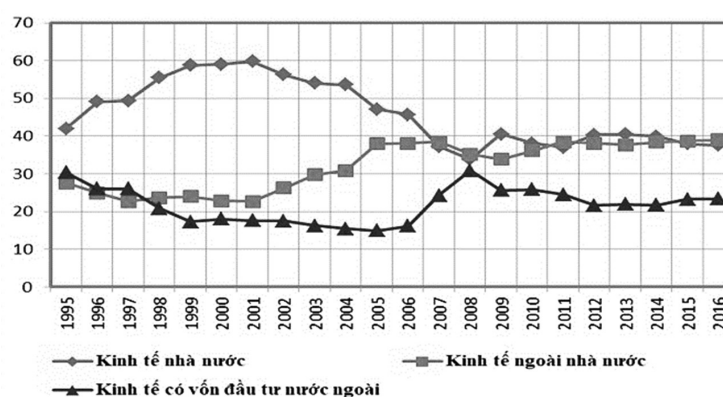
trọng yếu trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Trong những thời điểm có các biến động tác động xấu đến kinh tế vĩ mô, Nhà nước đã thực hiện những biện pháp can thiệp, trong đó có tăng đầu tư, hướng tới mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Chẳng hạn, nhằm đối phó với tác động tiêu cực của khủng hoảng tiền tệ trong các năm 1997-1999, tỷ trọng đầu tư của kinh tế nhà nước trong giai đoạn 1998-2004 lên tới trên 50%, đỉnh điểm là năm 2001 với tỷ trọng lên tới 59,8%. Nếu xem xét cả thời kỳ 1995-2016, tỷ trọng đầu tư của thành phần kinh tế nhà nước có xu hướng giảm: năm 2016 còn 37,6%, thấp hơn tỷ trọng đầu tư của thành phần kinh tế ngoài nhà nước (39%).

Dù tỷ trọng trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng giảm, nhưng mức tuyệt đối của nguồn vốn này không ngừng tăng lên. Năm 2016, nguồn vốn đầu tư của thành phần kinh tế nhà nước lên tới 557.496 tỷ đồng (*Niên giám thống kê năm 2016*). Tuy nhiên, tình trạng kém hiệu quả của việc quản lý sử dụng nguồn vốn khổng lồ vẫn chưa được giải quyết một cách cơ bản. Tình trạng này gắn liền với tình trạng tham nhũng, tha hóa của “một bộ phận” cán bộ được giao quyền và trách nhiệm quản lý vốn và tài sản của Nhà nước. Điều này không những dẫn đến hạn chế việc phát huy vai trò của khu vực kinh tế nhà nước và vai trò của quản lý nhà nước về kinh tế, mà còn dẫn đến nợ công không ngừng gia tăng.

- Tỷ trọng đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước có xu hướng tăng nhanh. Năm 1995, vốn đầu tư của khu vực này tính theo giá thực tế mới đạt 20.000 tỷ đồng,

bằng gần 2/3 vốn đầu tư của kinh tế nhà nước, bằng 9/10 vốn đầu tư của khu vực FDI và chiếm 27,6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; năm 2016 đạt 579.700 tỷ đồng, lớn hơn vốn đầu tư của kinh tế nhà nước, bằng 1,67 lần vốn đầu tư của khu vực FDI và chiếm 39% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Sự phát triển của khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, đóng góp vào ngân sách nhà nước... Tuy nhiên, sở hữu tư nhân và thành phần kinh tế ngoài nhà nước có quy mô nhỏ bé, trình độ công nghệ, trình độ quản trị, năng lực tài chính và sức cạnh

Biểu đồ 1: Tỷ trọng vốn đầu tư của các thành phần kinh tế (%)



Nguồn: Niên giám thống kê.

tranh thấp, cơ cấu ngành nghề còn bất hợp lý, thiếu liên kết với nhau và với các thành phần kinh tế khác, năng lực hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu tham gia sâu rộng và có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Thành phần kinh tế có vốn FDI có xu hướng tăng trưởng khá ổn định và ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu đầu tư toàn xã hội. Từ sau khi Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài có hiệu lực thi hành (1988) đến ngày 31/12/2016, cả nước đã thu hút được 22.594 dự án với số

vốn đăng ký lên tới 293,70 tỷ USD (*Niên giám thống kê* năm 2016). Trong giai đoạn từ năm 2005 đến nay, tỷ trọng nguồn vốn FDI trong vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá đều: năm 2005 chiếm 14,9%, năm 2016 chiếm 23,4%.

FDI đã tác động tích cực đến việc khai thác lợi thế so sánh của Việt Nam, tạo thêm việc làm, đóng góp vào ngân sách nhà nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, việc thu hút và quản lý nguồn vốn FDI cũng đang đặt ra nhiều vấn đề phức tạp cần nghiên cứu giải quyết để tránh tình trạng tăng trưởng kinh tế lệ thuộc ngày càng nhiều vào khu vực này, trong khi những mục tiêu về nâng cao trình độ công nghệ, phát huy tác động lan tỏa đến phát triển khu vực kinh tế nội địa chưa được phát huy như kỳ vọng,...

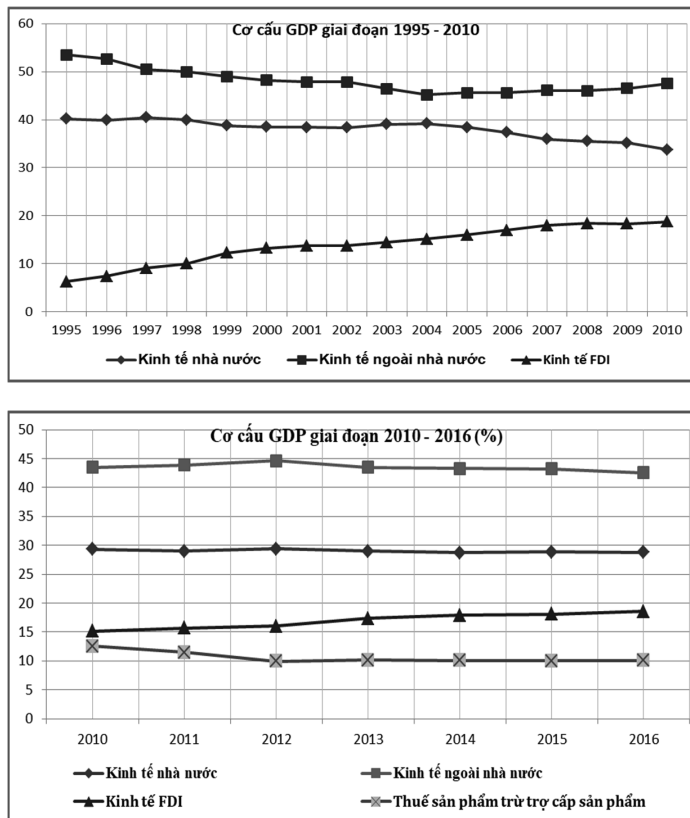
Trong khi đầu tư của khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực kinh tế có vốn FDI đều tập trung vào những lĩnh vực trực tiếp mang lại lợi nhuận cho chủ đầu tư, thì đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước một phần được hướng vào phát triển các doanh nghiệp nhà nước, phần lớn hơn được hướng vào việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện trọng yếu để thúc đẩy phát triển các hoạt động đầu tư - kinh doanh của tất cả các thành phần kinh tế và cải thiện đời sống của nhân dân.

Để thấy rõ hơn xu thế phát triển của mỗi thành phần kinh tế, chúng tôi tập trung phân tích một số khía cạnh về cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế thời kỳ 1995-2016

qua biểu đồ 2. Việc phân tách sự biến đổi cơ cấu của thời kỳ này thành hai giai đoạn (1995-2010 và 2010-2016) dựa trên sự thay đổi trong cách tính toán chỉ tiêu GDP của Tổng cục Thống kê.

Số liệu ở biểu đồ 2 cho thấy, trong khi phần đóng góp trực tiếp vào quy mô và tốc

Biểu đồ 2: Cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế



Nguồn: Niên giám thống kê.

độ tăng trưởng GDP của kinh tế nhà nước ngày càng giảm, thì phần đóng góp của khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực kinh tế có vốn FDI ngày càng tăng. Nếu năm 1995, tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước (thực chất là của các doanh nghiệp nhà nước) trong GDP là 40,18%, khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực kinh tế có vốn FDI là 59,82%, thì đến năm 2016, các số liệu của các thành phần kinh tế tương ứng là 28,81% và 61,15% (10,04% còn lại

là thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm). Điều đáng chú ý là, tỷ trọng khu vực kinh tế có vốn FDI có sự gia tăng đều, từ 6,3% năm 1995 lên tới 18,59% vào năm 2016.

Sự thay đổi tỷ trọng của các thành phần kinh tế (và các hình thức sở hữu) trong những năm qua là kết quả bước đầu của việc điều chỉnh vị trí của các thành phần kinh tế trong tổng thể phát triển chung của nền kinh tế: các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế nhà nước (và hình thức sở hữu nhà nước) đang được sắp xếp lại theo hướng tập trung hơn vào các lĩnh vực then chốt, trọng yếu của nền kinh tế; khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực kinh tế có vốn FDI được phát triển rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực sản xuất hàng hóa và cung ứng dịch vụ thông thường, đồng thời tham gia cùng kinh tế nhà nước trong việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Đó là sự vận động đúng hướng, phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Tính hiệu quả và bền vững của quá trình vận động này sẽ được nâng cao hơn nếu Nhà nước có những điều chỉnh mạnh mẽ,

kiên quyết và nhất quán hơn trong đổi mới hệ thống doanh nghiệp nhà nước.

3. Sự phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh qua chuỗi số liệu thống kê thời kỳ 2000-2015

Gắn liền với quá trình biến đổi, phát triển các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế là sự phát triển đa dạng các loại hình tổ chức kinh doanh. Chúng tôi xem xét một số nét cơ bản về vấn đề này qua phân tích chuỗi số liệu thống kê về cơ cấu và vốn kinh doanh bình quân hàng năm của các loại hình tổ chức kinh doanh đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Quan sát chuỗi số liệu thống kê về các loại hình doanh nghiệp (phân chia theo hình thức sở hữu và vị trí pháp lý) tại bảng 1 và 2, có thể thấy một số điểm đáng chú ý sau đây:

- Số lượng doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm xuống rõ rệt. Đó là kết quả của việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, đa dạng hóa hình thức sở hữu thông qua việc thực hiện cổ phần hóa. Khi bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986), số lượng doanh nghiệp nhà nước trong cả nước lên tới 12.400 đơn vị; năm 2000 còn

Bảng 1: Cơ cấu loại hình doanh nghiệp

Loại hình	2000		2005		2010		2015	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Tổng số	42.228	100,00	112.950	100,00	279.360	100,00	442.485	100,00
<i>Doanh nghiệp nhà nước</i>	5.759	13,62	4.086	3,62	3.281	1,18	2.835	0,64
<i>Doanh nghiệp ngoài nhà nước</i>	35.004	82,78	105.167	93,11	268.831	96,23	427.710	96,66
Doanh nghiệp tư nhân	20.548	48,59	34.646	30,67	48.007	17,18	47.741	10,79
Công ty TNHH	10.458	24,73	52.505	46,49	163.978	58,70	287.786	65,04
Công ty cổ phần	757	1,80	11.645	10,31	56.767	20,32	91.592	20,70
<i>Doanh nghiệp FDI</i>	1.525	3,61	3.697	3,27	56.767	20,32	11.940	2,70
Công ty 100% vốn nước ngoài	854	2,02	2.852	2,52	5.989	2,14	10.238	2,31
Công ty liên doanh	671	1,59	854	0,75	1.259	0,45	1.702	0,39

Nguồn: Niên giám thống kê các năm 2000, 2005, 2010, 2015.

5.759 đơn vị, chiếm 13,62% tổng số doanh nghiệp đăng ký hoạt động; đến năm 2015 còn 2.835 đơn vị, chiếm 0,64%. Tuy số lượng doanh nghiệp nhà nước giảm mạnh và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số doanh nghiệp, nhưng lượng vốn kinh doanh của các doanh nghiệp này đang còn rất lớn (năm 2015 là 6.944 nghìn tỷ đồng, chiếm 34,13% tổng vốn kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp). Điều đáng chú ý là, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước còn thấp kém so với lượng vốn đang nắm giữ và so với những ưu đãi mà Nhà nước dành cho các doanh nghiệp này. Không những thế, đây còn là khu vực xảy ra tình trạng nợ nần và thất thoát lớn các nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Với thực trạng này, các doanh nghiệp nhà nước chưa phát huy được vai trò tích cực trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

- Sự gia tăng mạnh mẽ của số lượng doanh nghiệp ngoài nhà nước đã góp phần huy động nguồn lực to lớn vào đầu tư phát triển. Nếu năm 2000 chỉ có 35.004

doanh nghiệp với số vốn kinh doanh là 98,35 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,86% tổng vốn kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp, thì đến năm 2015 các số liệu tương ứng là 427.710 doanh nghiệp, trên 11.020 nghìn tỷ đồng và chiếm 49,77%. Ở nước ta, bên cạnh các loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể là loại hình tổ chức kinh doanh (phi nông nghiệp) được phát triển rộng rãi. Năm 2016, cả nước có 4.909.827 hộ đăng ký kinh doanh, thu hút 8.261.870 lao động.

Sự phát triển của các doanh nghiệp ngoài nhà nước đã góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm. Tuy nhiên, đại bộ phận các doanh nghiệp này có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, trình độ trang bị công nghệ, năng lực quản trị thấp kém, thiếu sự liên kết trong phát triển,... đang là những yếu tố chủ yếu cản trở thành phần kinh tế tư nhân phát huy vai trò “động lực quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”.

Bảng 2: Vốn kinh doanh bình quân hàng năm của các loại hình doanh nghiệp

Loại hình	2000		2005		2010		2015	
	Giá trị (1.000 tỷ VND)	%	Giá trị (1.000 tỷ VND)	%	Giá trị (1.000 tỷ VND)	%	Giá trị (1.000 tỷ VND)	%
Tổng số	998,4	100,00	2.430,7	100,00	10.841,1	100,00	22.144,2	100,00
<i>Doanh nghiệp nhà nước</i>	670,3	67,13	1.333,9	51,92	3.701,8	34,13	6.944,9	31,36
<i>Doanh nghiệp ngoài nhà nước</i>	98,35	9,86	607,3	28,16	5.451,8	50,30	11.020,9	49,77
Doanh nghiệp tư nhân	15,8	1,59	62,2	2,68	323,9	2,99	402,0	1,82
Công ty TNHH	44,5	4,46	275,9	11,35	2.084,9	19,23	4.828,2	21,8
Công ty cổ phần	30,2	3,02	254,1	10,46	3.042,4	28,07	5.787,3	26,13
<i>Doanh nghiệp FDI</i>	229,5	23,02	489,5	20,14	1.687,5	15,57	4.187,3	18,87
Công ty 100% vốn nước ngoài	83,9	8,40	277,2	10,40	1.050,3	9,69	3.384,4	15,28
Công ty Liên doanh	145,9	14,62	212,4	8,74	637,2	5,88	794,0	3,59

Nguồn: Niên giám thống kê các năm 2000, 2005, 2010, 2015.

- Có sự thay đổi rõ rệt trong cơ cấu các loại hình doanh nghiệp của thành phần kinh tế tư nhân. Loại hình doanh nghiệp một chủ sở hữu (doanh nghiệp tư nhân) tuy có tăng về số lượng, nhưng tốc độ không cao và tỷ trọng trong tổng số các loại hình doanh nghiệp có xu hướng giảm khá mạnh. Năm 2000 có 20.548 doanh nghiệp tư nhân, chiếm 48,59% tổng số doanh nghiệp; năm 2015 có 47.741 doanh nghiệp, tăng 2,32 lần nhưng chỉ chiếm 10,79%. Các loại hình doanh nghiệp đa chủ sở hữu (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) có xu hướng tăng lên mạnh mẽ và trở thành lực lượng chủ yếu trong các loại hình doanh nghiệp ở nước ta. Năm 2000 có 11.215 đơn vị, trong đó có 10.458 công ty trách nhiệm hữu hạn, 757 công ty cổ phần, chiếm 26,53% tổng số doanh nghiệp; năm 2015 có 379.378 đơn vị, trong đó có 278.786 công ty trách nhiệm hữu hạn, 91.592 công ty cổ phần, chiếm tới 85,74% tổng số doanh nghiệp. Sự thay đổi về số lượng và cơ cấu các loại hình doanh nghiệp này thể hiện xu hướng phát triển quan hệ liên kết giữa các chủ sở hữu cá biệt để tăng năng lực đầu tư và kinh doanh.

- Có sự gia tăng của các doanh nghiệp FDI. Nếu năm 2000 có 1.525 doanh nghiệp, chiếm 3,61% tổng số doanh nghiệp, thì năm 2015 đã có 11.940 doanh nghiệp, tăng 7,83 lần và chiếm 2,7% tổng số doanh nghiệp. Trong khu vực kinh tế này, số lượng doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tăng nhanh hơn loại hình doanh nghiệp liên doanh: năm 2000 có 854 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và 671 doanh nghiệp liên doanh; năm 2015, số doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài lên tới 10.238 đơn vị, tăng gần 12 lần, số doanh nghiệp liên doanh là 1.702, chỉ tăng hơn 2,5 lần. Nguyên nhân của sự thay đổi này chủ yếu là do sự ổn

định của môi trường đầu tư, tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện kinh doanh ở Việt Nam.

4. Một số kết luận và khuyến nghị chính sách thúc đẩy phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh

Tuy việc phân tích thực chứng qua một số số liệu thống kê chủ yếu về các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh chưa thực sự có đầy đủ cơ sở để xác định tính quy luật về sự vận động và phát triển của các đối tượng này, nhưng cũng có thể cho thấy những nét cơ bản về xu hướng phát triển của chúng trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta. Dưới đây là một số kết luận cơ bản rút ra từ các nội dung phân tích trên.

Thứ nhất, sự tồn tại và phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta phù hợp với xu thế phát triển nền kinh tế thị trường của thế giới.

Thứ hai, sự thay đổi quy mô sở hữu nhà nước và kinh tế nhà nước gắn liền với sự thay đổi (đổi mới) chức năng quản lý của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường. Theo đó, bộ phận doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu 100% vốn (doanh nghiệp nhà nước) sẽ ngày càng giảm về số lượng theo yêu cầu tập trung thực sự vào các lĩnh vực then chốt, trọng yếu của nền kinh tế, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến an ninh - quốc phòng. Vai trò của Nhà nước là phải thúc đẩy các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong môi trường liên kết và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Phù hợp với yêu cầu xây dựng

mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển, Nhà nước không phải “trực tiếp tham gia làm kinh tế”, mà chủ yếu là “tạo lập các điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế”, trong đó có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại.

Thứ ba, quy mô hình thức sở hữu tư nhân, thành phần kinh tế tư nhân sẽ ngày càng tăng lên và trở thành lực lượng kinh tế chủ yếu của đất nước. Với việc khẳng định “phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”, thành phần kinh tế tư nhân lại càng có điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, quá trình phát triển cũng phải là quá trình thành phần kinh tế tư nhân và các loại hình doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế này khắc phục những yếu kém về nguồn lực, về trình độ trang bị công nghệ, về năng lực quản trị và về khả năng liên kết trong sản xuất - kinh doanh.

Thứ tư, kinh tế có vốn FDI sẽ tiếp tục phát triển phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Sự phát triển của khu vực kinh tế FDI, suy đến cùng, phụ thuộc vào ba nhân tố cơ bản: (i) Đánh giá của các nhà đầu tư nước ngoài về độ hấp dẫn của môi trường đầu tư qua phân tích tính thông thoáng, ổn định của môi trường đầu tư và những lợi thế so sánh của Việt Nam mà họ có thể khai thác; (ii) Chiến lược, năng lực và thiện chí kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Chiến lược thu hút đầu tư và việc tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng, ổn định của Nhà nước Việt Nam (đây là nhân tố quyết định).

Thứ năm, sự phát triển mạnh mẽ của loại hình doanh nghiệp nhiều chủ sở hữu thuộc các hình thức sở hữu khác nhau, đặc biệt là loại hình công ty cổ phần, là xu

hướng chủ đạo trong phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh. Sự hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp này là kết quả trực tiếp của quan hệ liên kết giữa các chủ sở hữu để hình thành hình thức sở hữu hỗn hợp dưới hình thức một pháp nhân kinh tế. Pháp nhân kinh tế này có thể bao gồm các chủ thể cùng thuộc một hình thức sở hữu (sở hữu nhà nước hoặc sở hữu tư nhân), hoặc bao gồm các chủ thể thuộc các hình thức sở hữu khác nhau (sở hữu nhà nước với sở hữu tư nhân). Người góp vốn có thể không trực tiếp tham gia vào quá trình điều hành doanh nghiệp, mà ủy quyền quản lý, sử dụng tiền vốn thuộc sở hữu của mình cho những người do họ lựa chọn theo những cách thức khác nhau, nghĩa là có sự tách biệt giữa quyền sở hữu với quyền quản lý và sử dụng tiền vốn, tài sản.

Có thể coi những kết luận trên đây là sự khái quát xu hướng vận động và phát triển của các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh trong những chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta. Trong quá trình hoàn thiện và phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, việc giải quyết các vấn đề liên quan đến sở hữu, thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh cần chú trọng một số điểm có tính nguyên tắc sau đây:

Một là, giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị để tạo lập nền tảng giải quyết các vấn đề về hình thức sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình tổ chức kinh doanh.

Trên góc độ kinh tế, việc phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh là nhằm huy động rộng rãi các nguồn lực trong xã hội vào đầu tư phát triển, phát

triển lực lượng sản xuất, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền tảng vật chất của CHXH, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Trên góc độ chính trị, việc giải quyết vấn đề hình thức sở hữu, thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh hướng tới yêu cầu bảo vệ và phát triển những thành quả chính trị mà Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được. Hơn nữa, sự tác động của chính trị còn thể hiện ở chỗ nếu không bảo đảm được những điều kiện tiền đề về chính trị - xã hội sẽ không thể giải quyết hữu hiệu các vấn đề liên quan đến hình thức sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình tổ chức kinh doanh.

Hai là, tôn trọng sự vận động, phát triển khách quan của các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh trong quá trình xây dựng và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất.

Với vai trò “bà đỡ” và “người nhạc trưởng”, trong khi thừa nhận tính khách quan - tự nhiên của sự vận động và phát triển của các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, Nhà nước cần có những quyết sách phù hợp nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy các xu hướng vận động và phát triển ấy, chứ không thể đưa ra những cản trở dựa vào mong muốn chủ quan sớm có các yếu tố đặc trưng của kinh tế XHCN.

Ba là, xác định rõ mục đích giải quyết vấn đề sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình tổ chức kinh doanh phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển đất nước trong những chặng đường đầu của quá trình xây dựng CNXH.

Trong điều kiện nước ta, để tránh nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với các nước

trong khu vực và trên thế giới, để “đến giữa thế kỷ XXI, phấn đấu đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” như *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định, việc giải quyết vấn đề sở hữu, thành phần kinh tế và loại hình tổ chức kinh doanh phải hướng tới mục tiêu huy động các nguồn lực của xã hội vào đầu tư phát triển, giải phóng và thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất.

Bốn là, giải quyết vấn đề sở hữu, thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh đồng bộ với giải quyết các vấn đề về tổ chức quản lý và phân phối.

Thực tế ở nước ta trong thời gian qua cho thấy, những khiếm khuyết, bất cập, thậm chí trì trệ, trong quan hệ tổ chức quản lý cả ở tầm vĩ mô và vi mô là một trong những cản trở lớn đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính vì vậy, việc phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh phải được thực hiện trong mối quan hệ chặt chẽ với nâng cao trình độ tổ chức quản lý và hoàn thiện quan hệ phân phối.

Năm là, giải quyết vấn đề sở hữu, thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh gắn với thúc đẩy đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trong điều kiện phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh, Nhà nước phải thực hiện vai trò kép: (i) Nhà nước đóng vai trò và chức năng quản lý toàn bộ nền kinh tế; (ii) Nhà nước đóng vai trò người chủ sở hữu của hình thức sở hữu nhà nước và chủ sở hữu của các doanh nghiệp nhà nước. Việc phát huy vai trò đó phụ thuộc vào nhiều điều kiện, trong đó

quan trọng hàng đầu là chất lượng thể chế kinh tế thị trường do Nhà nước tạo lập và năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức trong bộ máy quản lý nhà nước. Điều này liên quan trực tiếp đến hiệu quả của việc thực hiện *Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước*.

Việc đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế phù hợp với yêu cầu phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh cũng phải hướng tới yêu cầu mở rộng dân chủ trong hoạt động kinh tế. Điều này thể hiện trên cả hai khía cạnh: i) Mở rộng quyền tự do thực hiện các hoạt động kinh doanh của các chủ thể trong khuôn khổ luật pháp của Nhà nước; ii) Mở rộng quyền tham gia hình thành hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách của các chủ thể kinh doanh.

Với sự tác động của toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế trở thành một yêu cầu tất yếu trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tất cả các quốc gia đều phải tuân thủ “luật chơi chung” và phải điều chỉnh hệ thống luật pháp của mình phù hợp với “luật chơi chung” ấy. Với ràng buộc này, việc giải quyết các vấn đề liên quan đến sở hữu, thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức kinh doanh không phải chỉ tính đến những

yêu cầu và ràng buộc trong nước, mà còn phải tính đến những yêu cầu và ràng buộc quốc tế. Nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng và không phân biệt đối xử cần được thể hiện rõ ràng trong các văn bản pháp quy và cần được thực thi một cách nghiêm ngặt trong thực tế □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VII, IX, X, XI, XII*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*.
4. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông (chủ biên, 2016), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê các năm 1995, 2001, 2010, 2016*.
6. Nguyễn Kế Tuấn (chủ biên, 2010), *Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.